

Số: **02/2020/QĐST-DS**

Thủ Dầu Một, ngày 26 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thế Vọng

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 01/2010/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định mở phiên họp số 01/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020.

1. ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Vũ Thị O, sinh năm 1973; cư trú tại: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1973; cư trú tại: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

2.1. Ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1974

2.2. Bà Dương Lệ H, sinh năm 1977

Cùng cư trú tại: Khu 01, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngày 26/4/2019, giữa bà Vũ Thị O và vợ chồng ông Nguyễn Cao T, bà Dương Lệ H lập hợp đồng vay tài sản, theo đó bà O cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền là 1.062.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng, từ ngày 26/4/2019 đến ngày 26/10/2019; lãi suất vay là 0,8%/tháng (tương đương với số tiền là 8.496.000 đồng/tháng).

Hết thời hạn vay theo thỏa thuận nhưng vợ chồng ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 05/12/2019, bà O có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; ngày 19/12/2019, tại Trung tâm hòa giải - Đối thoại Tòa án nhân dân thành phố T, giữa bà O và vợ chồng ông T, bà H lập biên bản hòa giải thành. Cùng ngày 19/12/2019, bà O có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo biên bản hòa giải thành ngày 19/12/2019 với nội dung: Chậm nhất ngày 01/6/2020, vợ chồng ông T, bà H phải trả

cho bà O số tiền đã vay là 1.062.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 101.952.000 đồng; tổng cộng là: 1.163.952.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố T nhận định.

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quyền yêu cầu*: Ngày 19/12/2019, giữa bà Vũ Thị O, ông Nguyễn Cao T và bà Dương Lệ H lập biên bản hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải - Đối thoại Tòa án nhân dân thành phố T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; ngày 19/12/2019, bà Vũ Thị O có đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án là đúng quy định tại Điều 418 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Do bà Vũ Thị O đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên yêu cầu của bà Vũ Thị O thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 7 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của bà Vũ Thị O, xét thấy: Ngày 26/4/2019, giữa bà Vũ Thị O và vợ chồng ông Nguyễn Cao T, bà Dương Lệ H lập hợp đồng vay tài sản, theo đó bà O cho vợ chồng ông T, bà H vay số tiền là 1.062.000.000 đồng; thời hạn vay là 06 tháng, từ ngày 26/4/2019 đến ngày 26/10/2019; lãi suất vay là 0,8%/tháng (tương đương với số tiền là 8.496.000 đồng/tháng).

[3]. Hết thời hạn vay theo thỏa thuận nhưng vợ chồng ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 05/12/2019, bà O có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản; đến ngày 19/12/2019, tại Trung tâm Hòa giải - Đối thoại Tòa án nhân dân thành phố T, giữa bà O và vợ chồng ông T, bà H lập biên bản hòa giải thành với nội dung: Chậm nhất ngày 01/6/2020, vợ chồng ông T và bà H phải trả cho bà O số tiền đã vay là 1.062.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 101.952.000 đồng; tổng cộng là: 1.163.952.000 đồng.

[4]. Nhận thấy, việc thỏa thuận của các đương sự theo biên bản hòa giải thành ngày 19/12/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên việc bà O yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T công nhận kết quả hòa giải thành là phù hợp với quy định tại Điều 417 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[5]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết việc dân sự của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T là phù hợp.

[6]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà O phải chịu 300.000 đồng.

- Căn cứ vào các Điều 370, 417 và 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020, cụ thể như sau:

Chậm nhất ngày 01/6/2020, vợ chồng ông Nguyễn Cao T và bà Dương Lệ H phải trả cho bà Vũ Thị O số tiền đã vay là 1.062.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 101.952.000 đồng (một trăm lẻ một triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng); tổng cộng là: 1.163.952.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Điều 2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Vũ Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng bà Vũ Thị O đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041272 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án thành phố T.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thế Vọng